

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

BẢO CẠO SOÁT XÉT THỐNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BẢO CẠO TẠI CHÍNH

Mang tri thức phục vụ khách hàng



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)
Công ty Thành viên của Reanda International
Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.
Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 - 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.
Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3 999 00 90
Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com

MỤC LỤC

Nội dung Trang

1. Báo cáo của Hội đồng quản trị 02 - 05

2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ 06 - 07

3. Bảng cân đối kế toán tài ngày 30 tháng 06 năm 2017 08 - 09

4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 10

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 11

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Thuyết minh báo cáo tài chính 12 - 37

cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

7. Phụ lục số 1 – Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu 38



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

1. Khai quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000025 ngày 27 tháng 03 năm 2000 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301444626 lần thứ 18 ngày 21 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 124.000.000.000 đồng (một trăm hai mươi tư tỷ đồng).

Công ty niêm yết trên sàn chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là TMC.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 231 Võ Văn Ngăn, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại : + 84 (28) 38 966 819

- Fax : + 84 (28) 38 963 210

- Mã số thuế : 0301444626

• Thông tin về chi nhánh

1. Trám xăng dầu số 12 tại số 44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, mã số chi nhánh 0301444626-030; hạch toán phụ thuộc;

2. Trám xăng dầu số 11 tại đường DT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-029; hạch toán phụ thuộc;

3. Trám xăng dầu số 10 tại 10/A tổ 1A, ấp 1, đường DT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, mã số chi nhánh 0301444626-028; hạch toán phụ thuộc;

4. Trám xăng dầu số 14 tại tổ 9, ấp Đông, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, mã số chi nhánh 0301444626-032; hạch toán phụ thuộc;

5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2 tại 7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-034; hạch toán phụ thuộc;

6. Trám xăng dầu Long Bình tại 90 Nguyễn Xiển, ấp Bên Dò, phường Long Bình, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-040; hạch toán phụ thuộc;

7. Trám xăng dầu số 6 tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-042; hạch toán phụ thuộc;

8. Trám xăng dầu số 3 tại 228 Võ Văn Ngăn, phường Truong Thò, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-019; hạch toán phụ thuộc;

9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy tại 719-721 Kha Văn Cẩn, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-037; hạch toán phụ thuộc;

10. Trám xăng dầu Tăng Nhơn Phú tại 392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-046; hạch toán phụ thuộc;

11. Trám xăng dầu số 1 tại 744 Kha Văn Cẩn, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-017; hạch toán phụ thuộc;

1281
CÔNG
TỔNG V
I NHIỆM
- TP. H

12. Trám xăng dầu Linh Xuân tại 507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-039; hạch toán phụ thuộc;
13. Trám xăng dầu số 7 tại 77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-033; hạch toán phụ thuộc;
14. Trám xăng dầu Bình Thọ tại 2 Đường Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-001; hạch toán phụ thuộc;
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy tại 701 Kha Văn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-036; hạch toán phụ thuộc;
16. Cửa hàng thương mại số 2 tại 507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-044; hạch toán phụ thuộc;
17. Trám xăng dầu số 19 tại 54/1B Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-045; hạch toán phụ thuộc;
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1 tại 1106 Kha Văn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-004; hạch toán phụ thuộc;
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A tại 740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-005; hạch toán phụ thuộc;
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace tại 746 Kha Văn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-006; hạch toán phụ thuộc;
21. Cửa hàng xăng dầu số 4 tại 236 Võ Văn Ngàn, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-007; hạch toán phụ thuộc;
22. Cửa hàng xăng dầu số 2 tại 139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-008; hạch toán phụ thuộc;
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường tại 21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-009; hạch toán phụ thuộc;
24. Trám xăng dầu số 5 tại 163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-010; hạch toán phụ thuộc;
25. Cửa hàng xăng dầu số 8 tại thừa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Dường Long, xã Thanh Tuyển, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; mã số chi nhánh: 0301444626-011; hạch toán phụ thuộc;
26. Trám xăng dầu số 9 tại 22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-043; hạch toán phụ thuộc;
27. Trám rửa xe số 5 tại 02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-038; hạch toán phụ thuộc;
28. Cửa hàng thương mại số 1 tại 1A Đoàn Công Hôn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0301444626-041; hạch toán phụ thuộc;
29. Cửa hàng xăng dầu số 9 tại 85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-013; hạch toán phụ thuộc;
30. Cửa hàng xăng dầu số 15 tại 1106 Kha Văn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc;
31. Siêu thị điện máy 30-4 tại số 01 Đường Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh 0301444626-015; hạch toán phụ thuộc;
32. Cửa hàng xăng dầu số 18 tại Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hām Mỹ, huyện Hām Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, mã số chi nhánh 0301444626-031; hạch toán phụ thuộc;

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt;

- Kinh doanh vận tải xăng dầu;

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;

- Kinh doanh xe gắn máy;

- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị;

- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng;

- Sắt thép, vật liệu xây dựng;

- Kinh doanh bất động sản.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ma Đức Tú	Chủ tịch	16/07/2015	-
Ông Đỗ Trung Thành	Thành viên	11/05/2016	-
Ông Hoàng Đình Sơn	Thành viên	30/03/2013	-
Ông Nguyễn Quốc Cường	Thành viên	25/11/2016	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Thành viên	25/11/2016	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban	30/03/2013	-
Ông Võ Tuấn Hào	Thành viên	30/03/2013	-
Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung	Thành viên	30/03/2013	-

4.3 Ban Điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Ông Phạm Ngọc Minh	Phó Giám đốc	15/04/2016	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	Phó Giám đốc	25/11/2016	-
Ông Viên Thiên Khanh	Kế toán trưởng	15/04/2016	-

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Hoàng Đình Sơn	Giám đốc	16/07/2015	-

6. Danh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 38.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phân tích và hợp lý tính hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.

- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phân tích hình tài chính, tính hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số

chính, tính hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phân tích và hợp lý tính hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

T.M. Hội đồng quản trị



MA ĐỨC THỤ
 Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số: 2297/17/BCKT/AUD-VVALUES

BẢO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TẠI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: QUỸ CỐ ĐỒNG, HỘI CỐ ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 7 năm 2017, từ trang 08 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập đơn vị thực hiện. Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán độc lập thực hiện theo các chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ rằng, phạm vi của báo cáo tài chính này chỉ phản ánh tình hình tài chính và các khoản đầu tư theo phương pháp giá gốc của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức từ ngày 30 tháng 06 năm 2017 cũng như kết quả kinh doanh cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017. Việc hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức với các công ty con, công ty liên kết không thuộc phạm vi báo cáo này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Ths Nguyễn Thanh Sang – Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKH kiểm toán số 0851-2013-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		135.279.820.249	181.135.738.679
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	55.291.266.260	13.779.422.898
111	1. Tiền		55.291.266.260	13.779.422.898
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2a	11.571.451.729	11.126.514.998
121	1. Chứng khoán kinh doanh		20.596.932.275	22.753.592.764
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(9.025.480.546)	(11.627.077.766)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		24.328.014.738	15.799.099.259
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	17.768.101.204	14.085.372.484
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	2.398.903.300	1.374.221.795
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	4.161.010.234	339.504.980
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	43.725.328.510	133.086.551.173
141	1. Hàng tồn kho		43.808.073.906	133.169.296.569
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(82.745.396)	(82.745.396)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		363.759.012	7.344.150.351
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		363.759.012	42.400.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	7.301.750.351
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		178.862.598.940	172.308.259.465
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		142.367.921.059	144.203.538.363
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	66.014.290.024	66.908.599.962
222	- Nguyên giá		130.615.351.767	127.289.811.222
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(64.601.061.743)	(60.381.211.260)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.8	76.353.631.035	77.294.938.401
228	- Nguyên giá		89.703.039.803	89.703.039.803
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(13.349.408.768)	(12.408.101.402)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.9	8.668.001.660	8.911.029.746
231	- Nguyên giá		13.127.813.323	13.127.813.323
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.459.811.663)	(4.216.783.577)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		24.429.573.447	15.529.135.810
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	24.429.573.447	15.529.135.810
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	2.520.000.000	2.520.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		2.430.000.000	2.430.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		90.000.000	90.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		877.102.774	1.144.555.546
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		248.790.029	497.580.041
268	2. Tài sản dài hạn khác	V.11	628.312.745	646.975.505
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		314.142.419.189	353.443.998.144

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	3	4	5
1	2				
300	C. NỢ PHẢI TRẢ			127.503.027.831	165.885.159.385
310	I. Nợ ngắn hạn			113.746.652.213	151.051.546.977
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		V.12	45.314.207.540	69.649.142.938
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		V.13	30.161.712.372	10.316.336.725
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		V.14	5.340.009.071	1.325.324.487
314	4. Phải trả người lao động		V.15	22.467.317.209	18.525.963.541
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn			1.481.108.632	1.106.558.771
319	6. Phải trả ngắn hạn khác		V.16a	4.230.273.876	5.881.256.985
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn			-	41.950.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		V.17	4.752.023.513	2.296.963.530
330	II. Nợ dài hạn			13.756.375.618	14.833.612.408
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		V.18	4.668.026.132	5.745.262.922
337	2. Phải trả dài hạn khác		V.16b	7.771.349.486	7.771.349.486
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			1.317.000.000	1.317.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU			186.639.391.358	187.558.838.759
410	I. Vốn chủ sở hữu		V.19	186.639.391.358	187.558.838.759
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu			124.000.000.000	124.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết			124.000.000.000	124.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			27.458.121.096	27.458.121.096
418	3. Quỹ đầu tư phát triển			24.059.932.101	19.820.641.422
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			11.121.338.161	16.280.076.241
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			4.705.406.579	5.950.054.234
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này			6.415.931.582	10.330.022.007
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			314.142.419.189	353.443.998.144

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017.

Giám Đốc



Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giải đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHI TIẾT	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1a	1.061.126.290,413	883.139,474,330
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.061.126.290,413	883.139,474,330
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	986.840,156,023	823,531,609,344
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.286,134,390	59,607,864,986
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1,521,037,071	3,480,334,760
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	(1.408,155,647)	1,653,988,670
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		146,085,417	149,765,133
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	45,386,057,167	32,794,863,065
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	19,456,968,320	17,977,116,286
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12,372,301,621	10,662,231,725
31	11. Thu nhập khác		358,922,244	139,828,128
32	12. Chi phí khác		85,086,917	310,640,935
40	13. Lợi nhuận khác		273,835,327	(170,812,807)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12,646,136,948	10,491,418,918
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.14b	2,510,205,366	1,778,546,841
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		10,135,931,582	8,712,872,077

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Giám Đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

BVT: VNB

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		12.646.136.948	10.491.418.918
	1. Lợi nhuận trước thuế		4.372.375.703	3.073.530.000
	2. Điều chỉnh cho các khoản		5.404.185.935	4.894.287.911
	- Khấu hao tài sản cố định và BDS đầu tư		(2.601.597.220)	320.298.938
	- Các khoản dự phòng		-	-
	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại		(206.903.619)	(2.290.821.982)
	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		146.085.417	149.765.133
	- Chi phí lãi vay		1.630.605.190	-
	- Các khoản điều chỉnh khác		17.018.512.651	13.564.948.918
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		17.018.512.651	13.564.948.918
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.208.499.623)	(2.908.185.537)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		89.361.222.663	(31.199.951.843)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		649.056.460	14.930.069.757
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(72.569.000)	300.966.935
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		2.156.660.489	2.511.383.679
14	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(171.535.556)	(149.765.133)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.091.420.722)	(1.851.944.247)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		666.625.409	7.865.079.574
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(250.000.000)	(4.406.345.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		106.058.052.771	(1.343.742.897)
21	I. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(16.645.540.545)	(3.909.657.416)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		176.936.136	1.718.183.447
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.468.604.409)	(2.191.473.969)
31	I. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lãi vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ di vạy		77.000.000.000	105.008.000.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(118.950.000.000)	(107.584.911.714)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.127.605.000)	(8.680.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(48.077.605.000)	(11.256.911.714)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		41.511.843.362	(14.792.128.580)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		13.779.422.898	25.559.407.320
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		55.291.266.260	10.767.278.740
VII.1			77.000.000.000	105.008.000.000
VII.2			(118.950.000.000)	(107.584.911.714)
V.1			55.291.266.260	10.767.278.740

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017.

Giám Đốc

HOÀNG BÌNH SƠN

Kế toán trưởng

VIÊN THIỆN KHANH

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

BẢN THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ

Cho giải đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG
1. Hình thức sở hữu vốn
 Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
 Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ, nhớt.
- Kinh doanh vận tải xăng dầu.
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác.
- Kinh doanh xe gắn máy.
- Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới, hội nghị.
- Kinh doanh hàng điện máy, hàng tiêu dùng.
- Sắt thép, vật liệu xây dựng.
- Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không qua 12 tháng.
 Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

6. Cấu trúc Công ty

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt	38 Đường Văn Bì, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	Kinh doanh nhà hàng, tiệc cưới	83,33%	83,33%	83,33%

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Trám xăng dầu số 12	44 Quốc lộ 1A, ấp 8, xã Trung An, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
2. Trám xăng dầu số 11	Đường DT 743, ấp Bình Phước B, xã Bình Chuẩn, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương
3. Trám xăng dầu số 10	10/A tổ 1A, ấp 1, đường DT 747, xã Hội Nghĩa, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương
4. Trám xăng dầu số 14	Tổ 9, ấp Đồng, xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
5. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 2	7/145 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
6. Trám xăng dầu Long Bình	90, Nguyễn Xiển, ấp Bến Đò, phường Long Bình, quận 9,

CHẾ ĐỘ UỶ MÃ

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BẢO CAO TẠI CHỖ (tiếp theo)

Cho giải đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Tên đơn vị Địa chỉ

7. Trạm xăng dầu số 6	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
8. Trạm xăng dầu số 3	228 Võ Văn Ngân, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng kinh doanh xe gắn máy	719-721 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
10. Trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú	392 Khu phố 1 Lê Văn Việt, phường Tăng Nhơn Phú A, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
11. Trạm xăng dầu số 1	744 Kha Vạn Cân, khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
12. Trạm xăng dầu Linh Xuân	507A Quốc lộ 1A, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
13. Trạm xăng dầu số 7	77 Tô Ngọc Vân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
14. Trạm xăng dầu Bình Thọ	2 Đặng Văn Bi, khu phố 4, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
15. Trung tâm Bảo dưỡng và dịch vụ xe gắn máy	701 Kha Vạn Cân, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng thương mại số 2	507A Quốc lộ 1A, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
17. Trạm xăng dầu số 19	54/1 Huỳnh Tấn Phát, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh
18. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 1	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
19. Cửa hàng vật liệu xây dựng số 740A	740A Quốc lộ 52, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
20. Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Rose Palace	746 Kha Vạn Cân, Khu phố 5, phường Linh Đông, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
21. Cửa hàng xăng dầu số 4	236 Võ Văn Ngân, phường Bình Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
22. Cửa hàng xăng dầu số 2	139B Quốc lộ 1A, Khu phố 5, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
23. Cửa hàng xăng dầu Long Trường	21 Nguyễn Duy Trinh, phường Long Trường, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng xăng dầu số 5	163A Lê Văn Việt, khu phố 3, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
25. Cửa hàng xăng dầu số 8	Thửa đất số 227, 230, 240, tờ bản đồ số 46, ấp Đường Long, xã Thanh Tuyển, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
26. Cửa hàng xăng dầu số 9	22/12 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
27. Trạm rửa xe số 5	02 Tân Lập, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh
28. Cửa hàng thương mại số 1	1A Đoàn Công Hôn, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
29. Cửa hàng xăng dầu số 9	85 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, quận 2, Tp. Hồ Chí Minh
30. Cửa hàng xăng dầu số 15	1106 Kha Vạn Cân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh
31. Siêu thị điện máy 30-4	01 Dương Văn Cam, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Tên đơn vị

Địa chỉ

32. Cửa hàng xăng dầu số 18 Quốc lộ 1A, thôn Phú Sơn, xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận

Nam, tỉnh Bình Thuận

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính Công ty có 366 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 372 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHINH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luông tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chương khoản kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chương khoản kinh doanh khi năm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chương khoản kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chương khoản kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh công các chi phí liên quan đến giao dịch mua chương khoản kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chương khoản kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chương khoản chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu
- Đối với chương khoản niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).

theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chúng ta mua được hạch toán giảm giá trị của chính chúng ta, có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chúng ta mua được hạch toán thu tại chính. Có tức được nhân bằng số phần chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhân giá trị cổ phiếu nhân được.

Cổ phiếu hoàn đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa của niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp đối với không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch liên kế với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi là giao dịch đóng cửa phiên giao dịch trước UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liên kế với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị số sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán mua bán trên thị trường và có giá trị tương đương hòng giảm giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thì trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch liên kế với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhân vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhân ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi nhân đầu tư được ghi nhân theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Có tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Có tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhân doanh thu. Có tức được nhân bằng số phần chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhân giá trị cổ phiếu nhân được.

Dự phòng tồn tại cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân (X) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tồn tại là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tồn tại đầu tư vào công ty con cần phải lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhân vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn như Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn công các chỉ phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cost và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cost và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cost được nhận bằng cost phiếu chi được theo dõi số lượng cost phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cost phiếu nhận được.

Dự phòng tồn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cost phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tìm cây, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cost phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tồn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác căn phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu không đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ảnh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phân ảnh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu không đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu không đòi căn cứ vào tuổi nợ qua hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến tồn thất cost thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu qua hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu qua hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa qua hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tồn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu không đòi căn phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



5. Hàng tồn kho
Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:
• Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền, giá đích danh (đối với xe gắn máy) và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước
Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ
Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình
Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi nhận bàn đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Số năm	Loại tài sản cố định
05 - 30	Nhà cửa, vật kiến trúc
06 - 08	Máy móc và thiết bị
06 - 09	Phương tiện vận tải, truyền dẫn
03 - 05	Thiết bị, dụng cụ quản lý

31/05/2017
HU
TO
KH
CỔ
31/

8. **Bất động sản đầu tư**
Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 25

9. **Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian gian dài ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

81. NG HIEM AN P.1

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tài sản đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức tài sản đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Phần chia của Công ty trong tài sản đồng kiểm soát được phân loại theo tính chất của tài sản.
- Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty.
- Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên tham gia góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh.
- Thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm/dịch vụ được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh.
- Các khoản chi phí của Công ty phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

Các tài sản cố định, bất động sản đầu tư khi mang đi góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh và không chuyển quyền sở hữu thành sở hữu chung của các bên liên doanh không được ghi giảm tài sản trên sổ kế toán và ghi nhận giá trị tài sản vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang. Sau khi tài sản đồng kiểm soát hoàn thành, bản giao đưa vào sử dụng, cần cứ vào giá trị tài sản được chia Công ty ghi nhận tăng tài sản của mình phù hợp với mục đích sử dụng.

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trong Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

VI
TU
HƯ
/5-
TY

Doanh thu cung cấp dịch vụ (Nhà hàng tiệc cưới...)

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng hóa (Xăng dầu, sắt thép, bách hoa...)

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Có tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ năm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luông tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của tái phát hành chuyển đổi khi đảo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

- Phải trả khác phần ảnh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.



- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng khoản ngân hàng, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản cố định (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bản thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản dở, Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị số của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn chênh lệch tạm thời chịu thuế sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận được ghi nhận ngay kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hiện hành nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hành trên cơ sở thanh toán hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trong yêu cầu thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI

KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	472.443.509	3.525.278.747
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	54.656.042.751	10.039.014.151
- Tiền đang chuyển	162.780.000	215.130.000
Cộng	55.291.266.260	13.779.422.898

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Gia gốc	1.076.032.115	1.147.250.000
Gia trị hợp lý	1.076.032.115	1.147.250.000
Dự phòng	-	-
Gia trị hợp lý	1.076.032.115	1.147.250.000

Có phiếu	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Dự phòng	Gia gốc	Gia trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau (CMV)	1.076.032.115	1.076.032.115	-	1.076.032.115	1.147.250.000	-
- Công ty CP Vật tư xăng dầu (COM)	585.538.344	585.538.344	-	585.538.344	1.096.500.000	-
- Công ty CP Thép Pomina (POM)	3.335.698.098	1.923.950.000	(1.411.748.098)	4.932.925.254	1.431.432.000	(3.501.493.254)
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn (STB)	1.975.220.000	602.577.000	(1.372.643.000)	1.975.220.000	412.634.250	(1.562.585.750)
- Công ty CP Thép Nhà Bè (TNB)	678.026.087	230.300.001	(447.726.086)	678.026.087	250.040.000	(427.986.087)
- Công ty CP Thép Việt Nam (TVN)	1.888.700.000	1.402.500.000	(486.200.000)	2.020.000.000	1.460.000.000	(560.000.000)
- Công ty CP Lương thực Việt Nam (LVTN)	611.346.631	69.999.999	(541.346.632)	611.346.631	70.000.000	(541.346.631)
- Công ty CP Thép Biên Hòa (BHH)	-	-	-	428.133.333	153.790.000	(274.343.333)
- Công ty CP Dệt Việt Thăng (VTH)	677.500.000	677.500.000	-	677.500.000	677.500.000	-
- Công ty CP Dệt Đông A (ĐA)	897.500.000	897.500.000	-	897.500.000	-	(897.500.000)
- Công ty CP XNK Vĩnh Long (VNL)	339.000.000	-	(339.000.000)	339.000.000	-	(339.000.000)
- Công ty CP Dệt Gia Dung (GD)	423.000.000	423.000.000	-	423.000.000	423.000.000	-
- Công ty CP Dệt Vải Phong (VPH)	423.000.000	423.000.000	-	423.000.000	423.000.000	-
- Công ty CP Thương mại Kỹ thuật và Dầu từ Petec (PT)	4.186.371.000	657.054.270	(3.529.316.730)	4.186.371.000	663.548.289	(3.522.822.711)
- Công ty CP Pvoil Sài Gòn (PVG)	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	3.500.000.000	-
Cộng	20.596.932.275	11.571.451.729	(9.025.480.546)	22.753.592.764	11.708.694.539	(11.627.077.766)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này được tính theo giá trị đầu tư (do không có giá giao dịch).

Lý do thay đổi chứng khoán kinh doanh:

- Cổ phiếu Công ty CP Thép Povina giảm do bán bớt 57,220 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 1.597.227,156 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Việt Nam giảm do bán hết 13.000 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 131.300.000 đồng.
- Cổ phiếu Công ty CP Thép Biên Hòa giảm do bán bớt 16.900 cổ phiếu với giá trị đầu tư tương ứng là 428.133.333 đồng.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
Số đầu năm	(11.627.077,766)	(12.009.456,947)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(412.208,133)
Hoàn nhập dự phòng	2.601.597,220	-
Số cuối kỳ	(9.025,480,546)	(12.421,665,080)

2b. Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	2.430.000.000	2.430.000.000	2.430.000.000	2.430.000.000
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt ⁽¹⁾	2.430.000.000	2.430.000.000	2.430.000.000	2.430.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Công ty TNHH Ba tháng hai	90.000.000	90.000.000	90.000.000	90.000.000
Công	2.520.000.000	2.520.000.000	2.520.000.000	2.520.000.000

(1)

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0311346480 ngày 20/05/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt với vốn điều lệ là 3.000.000.000 đồng. Tài ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 2.430.000.000 đồng, tương ứng năm giữ 83,33% vốn điều lệ (số đầu năm là 2.430.000.000 đồng, tương ứng 83,33% vốn điều lệ).

Dự phòng cho các khoản đầu tư công ty con

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
Số đầu năm	-	(104.086,764)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	-	(104.086,764)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt	400.813,156	412.797,753
Công ty CP TM XNK Thủ Đức cung cấp dịch vụ	-	-

303/06/2017

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
3. Phải thu ngân hàng của khách hàng		
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	17.768.101.204	14.085.372.484
- Trạm xăng dầu số 6 (bán lẻ)	954.662.328	-
- Công ty Truyền tải điện 4	748.024.920	657.470.460
- Công ty TNHH SX DV Vận Tải Thái Khôn	728.744.530	315.490.590
- Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Thanh Hóa	672.897.875	3.327.710.250
- Khác	14.663.771.551	9.784.701.184
Cộng	17.768.101.204	14.085.372.484
4. Trả trước cho người bán ngân hàng		
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	2.398.903.300	1.374.221.795
- Chi nhánh TP HCM	1.000.000.000	674.961.730
- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn	524.700.000	524.700.000
- Công ty TNHH Kiến trúc Quy hoạch Sài Gòn	289.150.000	-
- Công ty CP Phần mềm Quản lý Doanh nghiệp	-	-
- Chi nhánh TP HCM	585.053.300	174.560.065
- Khác	2.398.903.300	1.374.221.795
Cộng	2.398.903.300	1.374.221.795
5. Phải thu ngân hàng khác		
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	4.161.010.234	339.504.980
- Phải thu Honda Việt Nam	27.887.500	15.056.180
- Kỳ quỹ ngân hàng	1.725.196.800	171.948.800
- Tạm ứng ngân hàng	1.967.626.000	152.500.000
- Phải thu khác	440.299.934	-
Cộng	4.161.010.234	339.504.980

12/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THU ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

6. Hàng tồn kho

Số cuối kỳ	Số đầu năm	Nguyên liệu, vật liệu		Công cụ, dụng cụ		Hàng hóa (*)	
		Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc	Dự phòng	Gia gốc
43.808,073,906	133,169,296,569	(82.745,396)	43.566,328,858	(82.745,396)	109,500,000	-	132,245,048
43.808,073,906	133,169,296,569	(82.745,396)	43.566,328,858	(82.745,396)	109,500,000	-	132,245,048

(*) Hàng hóa chủ yếu là xăng dầu và điện máy.

7. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Mua trong kỳ	Đầu tư XDCB hoàn thành	Tăng khác	Giảm khác	Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	Nhà cửa, vật		Máy móc và		Phương tiện		Thiết bị, dụng		Công	
							kiến trúc	thiết bị	vận tải, truyền	dẫn	Thiết bị, dụng	cụ quản lý				
90.065,658,916	19.719,095,804	16.777,649,708	727,406,794	127,289,811,222	-	-	130,615,351,767	16.777,649,708	727,406,794	427,097,703	27,732,501,593	-	-	-	-	-
92.190,243,461	20.920,051,804	16.777,649,708	727,406,794	130,615,351,767	-	-	16.244,539,931	7.433,062,363	3.627,801,596	427,097,703	27,732,501,593	-	-	-	-	-
35.820,724,914	14,529,997,951	9,450,062,426	580,425,969	60,381,211,260	2,136,498,585	2,136,498,585	92.190,243,461	7.433,062,363	3.627,801,596	427,097,703	27,732,501,593	-	-	-	-	-
37,957,223,499	15,709,970,463	10,312,094,846	621,772,935	64,601,061,743	2,136,498,585	2,136,498,585	92.190,243,461	7.433,062,363	3.627,801,596	427,097,703	27,732,501,593	-	-	-	-	-
54,244,934,002	5,189,097,853	7,327,587,282	146,980,825	66,908,599,962	2,136,498,585	2,136,498,585	54,244,934,002	5,210,081,341	6,465,554,862	105,633,859	66,014,290,024	-	-	-	-	-
54,233,019,962	5,210,081,341	6,465,554,862	105,633,859	66,014,290,024	2,136,498,585	2,136,498,585	54,233,019,962	5,210,081,341	6,465,554,862	105,633,859	66,014,290,024	-	-	-	-	-

Gia trị hao mòn
Số đầu năm
Tăng trong kỳ
- Khấu hao trong năm
- Tăng khác
- Giảm khác
Số cuối năm

Gia trị hao mòn
Số đầu năm
Tăng trong kỳ
- Khấu hao trong năm
- Tăng khác
- Giảm khác
Số cuối năm

Nguyên giá
Số đầu năm
- Mua trong kỳ
- Đầu tư XDCB hoàn thành
- Tăng khác
- Giảm khác
Số cuối kỳ
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

817 IQ N.V. H

8. Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Số đầu năm	Số cuối năm	Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
Quyền sử dụng đất lâu dài	20.118.319.636	20.118.319.636	-
Quyền sử dụng đất có thời hạn	69.238.100.167	69.238.100.167	169.200.000
Phần mềm kế toán	346.620.000	346.620.000	-
Cộng	89.703.039.803	89.703.039.803	169.200.000
Giá trị hao mòn	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-
- Mua trong kỳ	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại	20.118.319.636	20.118.319.636	-
Số đầu năm	57.137.192.089	39.426.676	336.763.322
Số cuối kỳ	56.225.454.721	9.856.678	13.349.408.768

9. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ	Trong đó nguyên giá BĐS đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê
Nhà cửa, vật liện trực	13.127.813.323	-	-	13.127.813.323	-
Giá trị hao mòn	-	-	-	-	-
Số đầu năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối năm	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn	4.216.783.577	243.028.086	4.216.783.577	4.216.783.577	-
Số đầu năm	8.911.029.746	243.028.086	8.911.029.746	8.911.029.746	-
Số cuối kỳ	8.668.001.660	8.668.001.660	8.668.001.660	8.668.001.660	-

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

5-C
 TỶ
 HỮU
 TỬ
 VIỆ
 5-C

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính như sau:

Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
12.151.404.226	3.483.402.566	8.668.001.660
924.571.597	924.571.597	-
51.837.500	51.837.500	-
13.127.813.323	4.459.811.663	8.668.001.660

Công

- Trung tâm Thương mại dịch vụ Thủ Đức
- Kho 60/6 Trường Tre
- Cửa hàng 2/9 chợ Bình Triệu

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào trong kỳ	Số cuối kỳ
10.260.084.600	-	2.626.396.000	7.633.688.600
7.001.498.600	-	-	7.001.498.600
-	-	-	-
-	-	-	-
632.190.000	-	-	632.190.000
832.956.000	-	832.956.000	-
1.793.440.000	-	1.793.440.000	-
5.269.051.210	14.401.236.364	2.874.402.727	16.795.884.847
1.624.353.483	13.320.000.000	-	14.944.353.483
770.295.000	-	-	770.295.000
-	1.081.236.364	-	1.081.236.364
2.492.584.545	-	2.492.584.545	-
381.818.182	-	381.818.182	-
15.529.135.810	14.401.236.364	5.500.798.727	24.429.573.447

11. Tài sản dài hạn khác

Số đầu năm	Số cuối kỳ
646.975.505	628.312.745
646.975.505	628.312.745

Chi phí phân bổ của các tài sản dùng để hợp tác kinh doanh⁽¹⁾

(1) Đây là giá trị còn lại của các tài sản, vật tư dùng để thực hiện hợp tác kinh doanh với Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng kinh doanh số 32/HĐHTKD ngày 08/02/2002.

Hình thức hợp tác kinh doanh: tài sản liên doanh đồng kiểm soát (không thành lập pháp nhân mới). Liên hiệp hợp tác xã thương mại Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức điều hành, ghi kế toán hoạt động kinh doanh này.

Thời gian hoạt động của dự án: 30 năm.

Tài sản Công ty đưa đi để thực hiện dự án là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tọa lạc tại 191 Quang Trung, phường Hiệp Phú, quận 9, Tp. Hồ Chí Minh.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
31.522.840.000	43.791.367.540	26.268.601.000	43.380.541.938
31.522.840.000	31.522.840.000	26.268.601.000	26.268.601.000
	13.791.367.540		43.380.541.938
	1.295.169.185		1.239.783.037
	1.091.659.744		954.648.125
	775.285.477		766.777.887
	10.629.253.134		40.419.332.889
	45.314.207.540		69.649.142.938

Phải trả các bên liên quan

- Công ty CP Xăng dầu, Dầu khí Sài Gòn

Phải trả các nhà cung cấp khác

- Công ty TNHH Điện máy AQUA Việt Nam

- Công ty Honda Việt Nam - Chi nhánh TP HCM

- Công ty CP Tập đoàn Điện lạnh, Điện máy Việt

Úc

- Khác

Cộng

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Số cuối kỳ		Số đầu năm	
30.161.712.372	30.161.712.372	10.316.336.725	10.316.336.725
30.161.712.372	30.161.712.372	10.316.336.725	10.316.336.725
	27.820.000.000		7.500.000.000
	1.342.480.000		301.152.971
	199.875.548		383.375.697
	154.271.559		2.131.808.057
	645.085.265		10.316.336.725

Trả trước của các bên liên quan

Trả trước của các khách hàng khác

- Bình Thanh Hải và Phạm Phong Vũ

- Công ty TNHH Toàn Việt

- Trám xăng dầu Bình Thò

- Công ty TNHH Trám Xăng dầu An Phước 2

- Khác

Cộng

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
Phải nộp thu	Số phải nộp thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp thu	Phải nộp thu
35.566.875	8.498.227.679	8.498.227.679	(4.708.675.998)	3.825.118.556	-
-	-	-	-	-	-
1.025.113.977	2.555.172.725	(2.091.420.722)	1.488.865.980	-	-
-	-	-	-	-	-
264.643.635	1.478.586.041	(1.717.205.141)	26.024.535	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
-	-	-	-	-	-
1.325.324.487	13.563.420.847	(9.548.736.263)	5.340.009.071	-	-

14a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.



14b. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

6 tháng đầu 2017	12.646.136,948
6 tháng đầu 2016	10.491.418,918

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
 Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán
 để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh
 nghiệp:

1.937.267,989	1.855.441,989
-	1.642.572,687
-	119.498,732
-	(1.718.183,447)
-	(1.718.183,447)
-	(1.718.183,447)
-	14.406.468,801

Thu nhập chịu thuế
 Thu nhập được miễn thuế do bên liên doanh nộp hộ
 Lô các năm trước được chuyển

10.535.306,890	1.630.605,187
-	-

Thu nhập tính thuế
 Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp
 Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế
 suất phổ thông

10.535.306,890	2.555.172,725
20%	2.510.205,366

Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc bên liên doanh
 Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty phải nộp
 Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các
 năm trước

1.778.546,841	2.510.205,366
-	-

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành⁽²⁾
 Chênh lệch giữa thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp⁽¹⁾ và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
 hiện hành⁽²⁾ là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty nộp hộ cho bên hợp tác liên doanh
 tương ứng 44.967.359 đồng.

15. Phải trả người lao động

Công ty đã thực hiện tạm trích lương theo Quyết định số 35/QĐ-DVN ngày 13 tháng 01 năm 2017
 Tổng công ty Dầu Việt Nam về việc chấp thuận kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công
 ty CP TM XNK Thủ Đức (Timexco).
 Chi tiết số dư:

Số cuối kỳ	Số đầu năm
22.467.317,209	18.525.963,541
22.467.317,209	18.525.963,541
Quy lương cho người lao động	Công



16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.230.273.875	5.881.256.985
-	-
Phải trả các bên liên quan	
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	3.619.000.006
- Nhân kỳ quỹ, kỳ cược ngắn hạn	836.477.549
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.425.779.430
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.881.256.985

16b. Phải trả dài hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
7.771.349.486	7.771.349.486
-	-
Phải trả các bên liên quan	
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	7.771.349.486
- Công ty TNHH TM và DT Sông Tiên ⁽¹⁾	7.700.000.000
- Vốn góp của Liên doanh Long Bình ⁽²⁾	71.349.486

⁽¹⁾ Vốn góp cho bên liên quan theo Hợp đồng kinh tế số 540/HDLK-KD ngày 18 tháng 12 năm 2015, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Tăng Nhơn Phú bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận trước thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 50% và chia cho Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Sông Tiên là 50%.

⁽²⁾ Là khoản nhận vốn góp liên doanh theo Hợp đồng kinh tế số 17/HĐ-CT ngày 10 tháng 7 năm 2000, về việc liên doanh kinh doanh trạm xăng dầu Long Bình bằng hình thức tài sản liên doanh đồng kiểm soát. Lợi nhuận sau thuế TNDN của hoạt động được phân chia cho Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức là 71,5% và chia cho bà Nguyễn Thị Nghiếp là 28,5%.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	Tăng do trích lập	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
2.296.963.530	4.605.378.983	2.120.000	(2.152.439.000)	4.752.023.513
Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
2.296.963.530	4.605.378.983	2.120.000	(2.152.439.000)	4.752.023.513

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Số cuối kỳ	Số đầu năm
4.668.026.132	5.745.262.922
-	-
Doanh thu chưa thực hiện quan đến các bên liên quan	
Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác	5.745.262.922
- Ngân hàng TMCP Thương tín - tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	5.745.262.922

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Vốn cổ phần thường Tỷ lệ (%)		Vốn cổ phần thường Tỷ lệ (%)	
-	Tổng Công ty đầu Việt Nam - Công ty TNHH MTV (PVOIL)	63.257.300.000	51.01	63.257.300.000	51.01
-	Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	18.471.600.000	14,90	18.471.600.000	14,90
-	Vốn góp của các đối tượng khác	42.271.100.000	34,09	42.271.100.000	34,09
		124.000.000.000	100	124.000.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

		Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp		Vốn điều lệ còn phải góp	
		124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	-	-
	Công	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	-	-

19c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

		6 tháng đầu 2017		6 tháng đầu 2016	
-	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000
+	Vốn góp đầu năm	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000
+	Vốn góp tăng trong năm	-	-	-	-
+	Vốn góp giảm trong năm	-	-	-	-
+	Vốn góp cuối năm	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000	124.000.000.000
-	Cổ tức, lợi nhuận đã chia	6.200.000.000	6.200.000.000	8.680.000.000	8.680.000.000

19d. Cổ phiếu

		Số cuối kỳ		Số đầu năm	
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		12.400.000	12.400.000	12.400.000	12.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		12.400.000	12.400.000	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.400.000	12.400.000	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)		-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		-	-	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		-	-	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		12.400.000	12.400.000	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu phổ thông		12.400.000	12.400.000	12.400.000	12.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi		-	-	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

30%
 Act
 M1
 30%
 CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

19c. Các quỹ của doanh nghiệp

Quy định đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiểu sâu của Công ty.

19f. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm tài chính 2016 ngày 25/03/2017 và Nghị quyết số 09/NQ-TMC-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 20/04/2017 như sau:

Công	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	6.200.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	4.239.290.679
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.605.378.983
• Thù lao, thưởng Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát	250.000.000
	15.294.669.662

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ia. Tổng doanh thu

6 tháng đầu 2017		6 tháng đầu 2016	
Doanh thu bán hàng hóa	1.049.933.616,935	877.766.599,794	
- Doanh thu bán xăng dầu	902.061.147,168	753.120.085,375	
- Doanh thu bán xe máy	57.737.012,989	60.597.549,980	
- Doanh thu hàng hóa điện máy	71.413.677,940	53.149.326,952	
- Doanh thu bán sắt thép và bách hóa	18.601.419,746	10.702.085,166	
- Doanh thu bán gas	120.359.092	197.552.321	
Doanh thu dịch vụ	2.118.965,453	1.353.481,827	
- Doanh thu dịch vụ tiệc cưới	2.118.965,453	1.353.481,827	
Doanh thu cho thuê mặt bằng, bất động sản và khác	9.073.708,025	4.019.392,709	
Cộng	1.061.126.290,413	883.139.474,330	

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan
 Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b.

128
 ÔN
 NH
 DAN
 UAI
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THỦ ĐỨC

Địa chỉ: 231 Võ Văn Ngân, phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

2. Giá vốn hàng bán	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
<p style="text-align: center;">Giá vốn của hàng hóa đã bán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn bán xăng dầu - Giá vốn bán xe máy - Giá vốn bán hàng hóa điện máy - Giá vốn bán sắt thép và bạch hóa - Giá vốn bán gas <p style="text-align: center;">Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá vốn dịch vụ tức cưỡi <p style="text-align: center;">Giá vốn cho thuê mặt bằng, khấu hao bất động sản đầu tư, và khác</p>	<p style="text-align: center;">981.615.931.494</p> <p style="text-align: right;">853.973.488.907 49.232.474.315 61.131.172.692 17.161.102.368 117.693.212 639.339.630</p> <p style="text-align: right;">4.584.884.899</p>	<p style="text-align: center;">822.629.767.963</p> <p style="text-align: right;">713.174.317.299 52.776.245.319 46.809.548.975 9.674.557.542 195.098.828 110.810.000 110.810.000</p> <p style="text-align: right;">110.810.000</p>
	986.840.156.023	823.531.609.344
<p style="text-align: center;">Doanh thu hoạt động tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi tiền gửi - Cổ tức lợi nhuận được chia <p style="text-align: center;">Công</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thu nhập khác 	<p style="text-align: center;">1.521.037.071</p> <p style="text-align: right;">1.094.090.845 176.936.136 250.010.090</p>	<p style="text-align: center;">3.480.334.760</p> <p style="text-align: right;">1.693.232.346 1.718.183.447 68.918.967</p>
	(1.408.155.647)	1.653.988.670
<p style="text-align: center;">Chi phí tài chính</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lãi tiền vay - Chi phí tài chính khác - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn - Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính ngắn hạn 	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2017</p> <p style="text-align: right;">146.085.417 1.047.356.156</p> <p style="text-align: right;">(2.601.597.220)</p>	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2016</p> <p style="text-align: right;">149.765.133 1.092.015.404 412.208.133</p>
	(1.408.155.647)	1.653.988.670
<p style="text-align: center;">Chi phí bán hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí cho nhân viên - Chi phí vật liệu, bao bì - Chi phí khấu hao tài sản cố định - Chi phí dịch vụ mua ngoài - Các chi phí khác <p style="text-align: center;">Công</p>	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2017</p> <p style="text-align: right;">30.010.980.765 4.227.424.678 4.838.468.555 4.895.421.621 1.413.761.548</p> <p style="text-align: right;">45.386.057.167</p>	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2016</p> <p style="text-align: right;">22.711.410.290 1.251.398.530 3.786.474.692 3.685.851.793 1.359.727.760</p> <p style="text-align: right;">32.794.863.065</p>
	45.386.057.167	32.794.863.065
<p style="text-align: center;">Chi phí quản lý doanh nghiệp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí cho nhân viên - Chi phí đồ dùng văn phòng - Chi phí khấu hao tài sản cố định - Chi phí dịch vụ mua ngoài - Các chi phí khác <p style="text-align: center;">Công</p>	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2017</p> <p style="text-align: right;">13.407.112.585 329.869.994 316.781.838 3.577.429.496 1.825.774.407</p> <p style="text-align: right;">19.456.968.320</p>	<p style="text-align: center;">6 tháng đầu 2016</p> <p style="text-align: right;">12.788.904.721 172.604.361 316.781.838 2.415.761.999 2.283.063.367</p> <p style="text-align: right;">17.977.116.286</p>
	19.456.968.320	17.977.116.286

 112
 31
 VA
 NH
 VA
 HC

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.557.294.672	1.424.002.891
- Chi phí nhân công	43.418.093.350	35.500.315.011
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.155.250.393	4.103.256.530
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.472.851.117	6.101.613.792
- Chi phí khác	3.239.535.955	3.642.791.127
Cộng	64.843.025.487	50.771.979.351

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu
Chi tiêu này không trình bày báo cáo riêng của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức vì đây là Công ty mẹ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
1. Tiền thu từ đi vay	77.000.000.000	105.008.000.000
- Tiền thu từ đi vay theo kế hoạch thông thường tại các ngân hàng	-	-
- Tiền thu từ đi vay của các cá nhân	77.000.000.000	105.008.000.000

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
2. Tiền trả nợ gốc vay	(118.950.000.000)	(107.584.911.714)
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế hoạch thông thường	(118.950.000.000)	(107.584.911.714)
- Tiền trả nợ gốc vay tại các ngân hàng	-	-
- Tiền trả nợ vay của các cá nhân	(118.950.000.000)	(107.584.911.714)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng
Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan
Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)
Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
- Lương	2.712.974.500	1.682.761.000
- Thuế	197.927.000	188.100.000
- Thủ lao và khác	56.494.000	111.736.000
Cộng	2.967.395.500	1.982.597.000

Số: 118/TU ĐC X/17

2b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

- Công ty TNHH Nhà hàng tiệc cưới hội nghị Thành Đạt Là công ty con (chiếm 83,33% vốn điều lệ công ty con)
 Cùng là công ty con của Tổng Công ty Dầu Việt Nam – Công ty TNHH MTV (PVOIL)
 Là cổ đông có vốn góp lớn (chiếm 14,90% vốn điều lệ) của Công ty (SaiGonPetro)

Giao dịch với các bên liên quan khác
 Công ty con và công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b.
 Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh, liên kết (đây là các công ty trong cùng tập đoàn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và là những cổ đông của Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thủ Đức) như sau:

- Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn (PVOIL Sài Gòn)
 Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng 363.219.315.454
 Công ty CP TM XNK Thủ Đức bán hàng -
 Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)
 Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng 401.294.388.644
 Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Dầu tư -
 Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng 26.831.800.000
 Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng 12.052.050.000

	6 tháng đầu 2017	6 tháng đầu 2016
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh (SaiGonPetro)	401.294.388.644	358.988.367.274
- Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật và Dầu tư - Công ty Cổ phần Công ty CP TM XNK Thủ Đức mua hàng	26.831.800.000	12.052.050.000

• 6 tháng đầu năm 2017

3. **Báo cáo bộ phận**
 - Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gia vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lai gộp
Xăng dầu	902.061.147.168	853.973.488.907	48.087.658.261	5,33%
Xe máy	57.737.012.989	49.232.474.315	8.504.538.674	14,73%
Hàng hóa điện máy	71.413.677.940	61.131.172.692	10.282.505.248	14,40%
Sắt thép và bách hóa	18.601.419.746	17.161.102.368	1.440.317.378	7,74%
Gas	120.359.092	117.693.212	2.665.880	2,21%
Dịch vụ tiệc cưới	2.118.965.453	639.339.630	1.479.625.823	69,83%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	9.073.708.025	4.584.884.899	4.488.823.126	49,47%
Cộng	1.061.126.290.413	986.840.156.023	74.286.134.390	7,00%

• 6 tháng đầu năm 2016

Chi tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Gia vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lai gộp
Xăng dầu	753.120.085.375	713.174.317.299	39.945.768.076	5,30%
Xe máy	60.597.549.980	52.776.245.319	7.821.304.661	12,91%
Hàng hóa điện máy	53.149.326.952	46.809.548.975	6.339.777.977	11,93%
Sắt thép và bách hóa	10.702.085.166	9.674.557.542	1.027.527.624	9,60%
Gas	197.552.321	195.098.828	2.453.493	1,24%
Dịch vụ tiệc cưới	1.353.481.827	110.810.000	1.242.671.827	91,81%
Cho thuê mặt bằng, bất động sản đầu tư và khác	4.019.392.709	791.031.381	3.228.361.328	80,32%
Cộng	883.139.474.330	823.531.609.344	59.607.864.986	6,75%

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc giai đoạn tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2017.

Người lập biên

NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

Kế toán trưởng

VIÊN THIÊN KHANH

Giám đốc

HOÀNG ĐÌNH SƠN



Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quy đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
1. Số dư đầu năm trước	124.000.000.000	27.458.121.096	16.160.569.429	19.477.977.068	187.096.667.593
2. Tăng trong năm trước	-	-	3.660.071.993	21.490.022.007	25.150.094.000
- Lợi nhuận tăng	-	-	-	21.490.022.007	21.490.022.007
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	3.660.071.993	-	3.660.071.993
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	(24.687.922.834)	(24.687.922.834)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(3.660.071.993)	(3.660.071.993)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(3.417.850.841)	(3.417.850.841)
- Chia cổ tức	-	-	-	(17.360.000.000)	(17.360.000.000)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
- Chia lợi nhuận cho bên liên doanh	-	-	-	-	-
4. Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	124.000.000.000	27.458.121.096	19.820.641.422	16.280.076.241	187.558.838.759
5. Tăng trong kỳ này	-	-	4.239.290.679	10.135.931.582	14.375.222.261
- Lãi trong kỳ	-	-	-	10.135.931.582	10.135.931.582
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	-	4.239.290.679	-	4.239.290.679
6. Giảm trong kỳ này	-	-	-	(15.294.669.662)	(15.294.669.662)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(4.239.290.679)	(4.239.290.679)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.605.378.983)	(4.605.378.983)
- Thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	(250.000.000)	(250.000.000)
- Chia cổ tức 2016	-	-	-	(2.480.000.000)	(2.480.000.000)
- Chia cổ tức 2017	-	-	-	(3.720.000.000)	(3.720.000.000)
- Thù lao và thưởng HĐQT và BKS	-	-	-	-	-
7. Số dư cuối kỳ này	124.000.000.000	27.458.121.096	24.059.932.101	11.124.338.161	186.639.391.358

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2017.

Giám đốc



NGUYỄN THỊ THU XƯƠNG

VIÊN THIÊN KHANH

HOÀNG ĐÌNH SON

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

